TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2023
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vang Thanh Hải

Bà Lô Thị Huyền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2023/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị V Th Th, sinh năm 2000 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản M Ph, xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh L C T. Sinh năm 2000 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Y H, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị V Th Th trình bày:

Tình cảm: Chị Th và anh L C T tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2020. Chị Th và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 13 tháng 8 năm 2020 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2021, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, trước

đây anh T nghiện ma túy, gia đình và chị Th khuyên can rất nhiều lần nhưng anh T không chịu sửa chữa, đến năm 2021 anh T bị bắt đưa đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện bắt buộc số II, tỉnh Nghệ An. Do khoảng cách vợ chồng ở xa nhau, bản thân chị Th đi làm ăn xa cũng không có thời gian và điều kiện để thăm nom anh T. Đến đầu năm 2023 anh T cai nghiện trở về địa phương thì vợ chồng đã trao đổi thống nhất ly hôn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Th có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung là cháu L Nh D, sinh ngày 03/8/2020 hiện nay cháu đang sống với chị Th tại bản M Ph, xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Cháu D từ khi sinh ra chủ yếu là chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T cũng đồng ý giao cháu D cho chị Th là người trực tiếp được nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy nếu ly hôn chị Th có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung, nợ chung chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 4 năm 2023 anh L C T trình bày:

Tình cảm: Anh T và chị V Th Th tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2020. Anh T và chị Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L M huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 13 tháng 8 năm 2020 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2021, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau nên lâu dần vợ chồng có khoảng cách và không còn tình cảm với nhau. Nay chị Th có nguyện vọng ly hôn với tôi thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị Th có 01 con chung tên cháu là L Nh D, sinh ngày 03/8/2020, hiện nay cháu đang số với chị Th tại bản M Ph, xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An, cháu từ nhỏ đã sống với chị Th, chị Th chăm sóc nuôi dưỡng tốt hơn anh T. Nên nếu ly hôn anh T có nguyện vọng chị Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu D trưởng thành, về cấp dưỡng: Anh T và chị Th tự thỏa thuận giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh L C T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do.

Kết quả xác minh tại địa phương và qua lời khai của người làm chứng bà L Th Đ thì anh L C T có hộ khẩu thường trú tại bản Y H, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An có vợ là chị V Th Th. Anh T đi làm ăn ở thành phố Hà Nội còn địa chỉ cụ thể thì bà Đắm không nắm được. Anh T thường xuyên liên lạc bằng điện thoại và mạng xã hội Zalo về cho bà Đắm, bà Đắm cũng đã thông báo cho

anh T toàn bộ văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh T. Giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Th có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Kết thúc phiên họp Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả cho anh T nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi từ anh T nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị V Th Th cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị V Th Th được ly hôn với anh L C T; Con Chung: giao cháu L Nh D, sinh ngày 03/8/2020 cho chị V Th Th chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T; Tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị Th chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L C T có hộ khẩu thường trú tại bản Y H, xã Y H, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị V Th Th và bị đơn anh L C T thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh T kết hôn với nhau vào năm 2020 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được xã L M, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 11/2020 ngày 13/8/2020 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Chị Th và anh T có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét

thấy tình trạng hôn nhân của chị Th và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Th là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Con chung: Chị Th và anh T có 01 con chung là cháu L Nh D, sinh ngày 03/8/2020, hiện cháu đang sống cùng chị Th và chị Th có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị Th và anh T sống ly thân từ năm 2021, cháu D do chị Th nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân nhau. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Chị V Th Th và anh L C T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị V Th Th được ly hôn với anh L C T.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu L Nh D, sinh ngày 03/8/2020 cho chị V Th Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T;

- Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc chị V Th Th phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010774 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã L M;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lương Thị Ái